****

**PHIẾU HỎI DOANH NGHIỆP**

*(Phục vụ Bảng xếp hạng Top 5 Công ty uy tín ngành Vận tải hành khách năm 2022)*

|  |  |
| --- | --- |
| Vietnam Report cam kết phiếu điều tra chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không công bố những thông tin công ty cung cấp theo đúng quy chế bảo mật thông tin. Kính đề nghị Quý Doanh nghiệp điền đầy đủ thông tin và gửi về cho Vietnam Report **trước 17h ngày 04/11/2022.**  Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp! | Quý Doanh nghiệp vui lòng quét mã QR để tải bản mềm (nếu cần):  Qr code  Description automatically generated |

**THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀN PHIẾU**

Họ và tên: ………..………………………………………………………………………………………….…......

Bộ phận làm việc: ………………………………………………………………………………………………….

Số điện thoại liên lạc: ……………………………………………………………………………………………...

Email:………………………………………………………………………………………………….…….........

|  |
| --- |
| A ˗ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP |

1. **Tên Doanh nghiệp:**……………………………………………………………………………………………
2. **Mã số thuế:**………………………………………………………………………………………….................
3. **Loại hình hoạt động của Doanh nghiệp:**

Nhà nước

Tư nhân

Có vốn đầu tư nước ngoài (trên 50%)

1. **Lĩnh vực kinh doanh chính của Doanh nghiệp *(Vui lòng chọn lĩnh vực đóng góp nhiều nhất vào doanh thu năm tài chính gần đây)***

Vận tải đường bộ

Vận tải hành khách (chiếm ……..% doanh thu)

Vận tải hàng hóa (chiếm ……..% doanh thu)

Vận tải đường sắt

Vận tải hành khách (chiếm ……..% doanh thu)

Vận tải hàng hóa (chiếm ……..% doanh thu)

Vận tải đường thủy, đường biển

Vận tải hành khách (chiếm ……..% doanh thu)

Vận tải hàng hóa (chiếm ……..% doanh thu)

Vận tải đường hàng không

Vận tải hành khách (chiếm ……..% doanh thu)

Vận tải hàng hóa (chiếm ……..% doanh thu)

Khác (vui lòng ghi rõ): ………………………………………………………………………………………

1. **Thời gian hoạt động của Quý doanh nghiệp (tính đến năm 2022)**

Dưới 5 năm

Từ 5 năm đến dưới 10 năm

Từ 10 năm đến dưới 15 năm

Trên 15 năm

1. **Số lượng nhân viên toàn thời gian:** …………………………………………………………………người
2. **Tỷ lệ nhân viên toàn thời gian so với tổng số nhân viên trung bình tại Quý doanh nghiệp**

<1

≥1

1. **Tỷ lệ thay thế nhân viên hàng năm tại Quý Doanh nghiệp**

<1%

1-5%

5-10%

>10%

1. **Đánh giá của Quý Doanh nghiệp về hoạt động kinh doanh liên tục (Business Continuity) của mình?**

Duy trì hoạt động bền vững và đều quanh năm

Hoạt động có tính mùa vụ

Phụ thuộc nhiều vào chu kỳ kinh tế

1. **Thông tin tài chính của Doanh nghiệp *(Đơn vị: Triệu đồng)***

| **Chỉ tiêu** | **Năm 2021** | **Kế hoạch năm 2022** | **9 tháng đầu năm 2022** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng tài sản |  |  |  |
| Vốn chủ sở hữu |  |  |  |
| Doanh thu thuần |  |  |  |
| Tổng doanh thu[[1]](#footnote-1) |  |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế |  |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế |  |  |  |

|  |
| --- |
| **B – ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VÀ PHỤC HỒI TỪ COVID-19 CỦA DOANH NGHIỆP** |

1. **Điều nào dưới đây khiến Quý Doanh nghiệp nhận thức rằng COVID-19 là một cuộc khủng hoảng và buộc phải có hành động ứng phó?**

Khi có những ca nhiễm đầu tiên ở Trung Quốc

Khi số lượng ca nhiễm tại Việt Nam gia tăng

Khi Chính phủ đưa ra tuyến bố Covid-19 là một cuộc khủng hoảng

Khi các DN trong ngành và đối thủ cạnh có hành động ứng phó

Khi bị buộc phải đóng cửa/tạm ngừng hoạt động theo chỉ đạo của Chính phủ

1. **Trước COVID-19, Quý Doanh nghiệp đã có những kế hoạch nào dưới đây?**

Kế hoạch quản lý khủng khoảng

Kế hoạch kinh doanh liên tục

Kế hoạch ứng phó khẩn cấp

Khác (vui lòng nêu rõ…………………………………………………………………………………….)

Không có kế hoạch nào trong số những kế hoạch trên

1. Tính tới hiện tại, những kế hoạch nào dưới đây đã được Quý Doanh nghiệp sử dụng để ứng phó với COVID-19?

Kế hoạch quản lý khủng khoảng

Kế hoạch kinh doanh liên tục

Kế hoạch ứng phó khẩn cấp

Khác (vui lòng nêu rõ…………………………………………………………………………………….)

Không có kế hoạch nào trong số những kế hoạch trên

1. **Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của COVID-19 đối với hoạt động của mình, quan điểm của Quý Doanh nghiệp về những nhận định sau như thế nào?**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Rất đồng ý | Đồng ý | Trung lập | Không đồng ý | Rất không đồng ý | Không rõ |
| DN đã chuẩn bị kỹ để ứng phó với các tác động của COVID-19 |  |  |  |  |  |  |
| DN đã quản lý hiệu quả các tác động của COVID-19 |  |  |  |  |  |  |
| DN có thể học được nhiều điều từ việc ứng phó với COVID-19 |  |  |  |  |  |  |

1. **Trước COVID-19, Quý Doanh nghiệp có xây dựng việc đánh giá hiệu quả sau hành động hoặc bài học kinh nghiệm từ khủng hoảng không?**

Có

Không

Không rõ

1. **Tính tới hiện tại, Quý Doanh nghiệp có xây dựng việc đánh giá hiệu quả sau hành động hoặc bài học kinh nghiệm từ khủng hoảng để chuẩn bị cho những rủi ro, gián đoạn trong tương lai không?**

Có

Không

Không rõ

1. **Trong quá trình ứng phó với COVID-19, Quý Doanh nghiệp đã chuẩn bị/ có kế hoạch đánh giá những rủi ro dài hạn ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh như thế nào?**

Đã chuẩn bị kỹ lưỡng

Đã chuẩn bị

Chưa chuẩn bị

1. **Trước những tác động toàn diện từ COVID-19, Quý Doanh nghiệp đã thảo luận về tầm quan trọng và giá trị của khả năng phục hồi chưa?**

Có, DN của chúng tôi đã dành sự quan tâm đáng kể đến việc thảo luận về khả năng phục hồi, với các lĩnh vực trọng tâm đã được xác định

Có, DN của chúng tôi đã thảo luận về khả năng phục hồi và đã lên kế hoạch xác định những việc cần cải tiến trong tương lai gần

Có, DN của chúng tôi đã thảo luận về khả năng phục hồi, nhưng về cơ bản chỉ có vài hành động được triển khai thực hiện

Không, DN của chúng tôi chưa từng thảo luận về tầm quan trọng và giá trị của khả năng phục hồi

Không rõ

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, khái niệm khả năng phục hồi có nghĩa là…? *(có thể chọn nhiều đáp án)***

Khả năng doanh nghiệp ứng phó với những tình huống khẩn cấp

Khả năng doanh nghiệp có thể duy trì hoạt động liên tục, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, nhân viên và các bên liên quan…

Khả năng doanh nghiệp quản lý khủng hoảng

Khả năng doanh nghiệp thích ứng với môi trường kinh doanh sau gián đoạn, khủng hoảng

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, khả năng phục hồi của doanh nghiệp mình từ COVID-19 so với mặt bằng chung của ngành như thế nào?**

Cao

Trung bình

Thấp

Không rõ

1. **Hiện Quý DN đã và đang thực thi những biện pháp nào dưới đây để phục hồi kinh doanh từ COVID-19?**

Thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh tại nơi làm việc;

Mở rộng, sắp xếp công việc từ xa;

Điều chỉnh lương, thưởng của người lao động

Cắt giảm lao động

Chuyển đổi kinh doanh

Khảo sát nhân viên về tác động của đại dịch

Thiết lập các nền tảng tài nguyên trực tuyến

Tiếp cận các biện pháp cứu trợ của chính phủ

Thực hiện các chương trình hỗ trợ cộng đồng chung tay đẩy lùi COVID-19

1. **Mức độ hiệu quả trên thang điểm 5 (1 - rất không hiệu quả và 5 - rất hiệu quả) của các chỉ số khả năng phục hồi của Quý Doanh nghiệp trong giai đoạn COVID-19 như thế nào?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| Thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh tại nơi làm việc |  |  |  |  |  |
| Mở rộng, sắp xếp công việc từ xa |  |  |  |  |  |
| Điều chỉnh lương, thưởng của người lao động |  |  |  |  |  |
| Cắt giảm lao động |  |  |  |  |  |
| Chuyển đổi kinh doanh |  |  |  |  |  |
| Thiết lập các nền tảng trực tuyến |  |  |  |  |  |
| Tiếp cận các biện pháp hỗ trợ của chính phủ |  |  |  |  |  |
| Thực hiện các chương trình hỗ trợ cộng đồng chung tay đẩy lùi COVID-19 |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| **C ˗ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP** |

1. **Tổng quát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp trong 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm 2021? (*vui lòng đánh dấu X với 1 trong 5 phương án*)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên đáng kể** |
| Lượng hành khách |  |  |  |  |  |
| Doanh thu |  |  |  |  |  |
| Lợi nhuận |  |  |  |  |  |
| Tổng chi phí |  |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp cho biết tình hình chi phí hiện nay thay đổi như thế nào so với cùng kỳ năm 2021? (vui lòng đánh dấu X với 1 trong 5 phương án)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên đáng kể** |
| Chi phí lao động |  |  |  |  |  |
| Chi phí xăng dầu |  |  |  |  |  |
| Chi phí bán hàng, marketing |  |  |  |  |  |
| Chi phí chuyển đổi công nghệ |  |  |  |  |  |
| Chi phí nghiên cứu phát triển |  |  |  |  |  |
| Chi phí đầu tư phát triển bền vững |  |  |  |  |  |

1. **Những khó khăn dưới đây tác động như thế nào tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp trong năm vừa qua? (*vui lòng đánh dấu X với 1 trong 4 phương án*)**

| **Khó khăn** | **Không tác động** | **Tác động ít** | **Tác động tương đối** | **Tác động lớn** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Biến động giá năng lượng |  |  |  |  |
| Rủi ro từ chuỗi cung ứng, chi phí hậu cầu gia tăng |  |  |  |  |
| Sức ép đến từ tỷ giá gia tăng |  |  |  |  |
| Lạm phát tăng cao đột biến ở hầu hết các quốc gia |  |  |  |  |
| Khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn, lãi suất huy động tăng |  |  |  |  |
| Rủi ro an ninh mạng |  |  |  |  |
| Lao động không đáp ứng được về số lượng/chất lượng |  |  |  |  |
| Bất ổn chính trị trên thế giới |  |  |  |  |
| Thiên tai, dịch bệnh |  |  |  |  |
| Nhu cầu mua sắm, tiêu dùng giảm |  |  |  |  |
| Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành |  |  |  |  |
| Khác (Vui lòng cho biết:………………………..) |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp dự báo những khó khăn trên sẽ kéo dài trong bao lâu? (*vui lòng đánh dấu X với 1 trong 4 phương án*)**

| **Khó khăn** | **Không  kéo dài** | **Cuối năm 2022** | **Cuối năm 2023** | **Qua năm 2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Biến động giá năng lượng |  |  |  |  |
| Rủi ro từ chuỗi cung ứng, chi phí hậu cầu gia tăng |  |  |  |  |
| Sức ép đến từ tỷ giá gia tăng |  |  |  |  |
| Lạm phát tăng cao đột biến ở hầu hết các quốc gia |  |  |  |  |
| Khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn, lãi suất huy động tăng |  |  |  |  |
| Rủi ro an ninh mạng |  |  |  |  |
| Lao động không đáp ứng được về số lượng/chất lượng |  |  |  |  |
| Bất ổn chính trị trên thế giới |  |  |  |  |
| Thiên tai, dịch bệnh |  |  |  |  |
| Nhu cầu mua sắm, tiêu dùng giảm |  |  |  |  |
| Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành |  |  |  |  |
| Khác (Vui lòng cho biết:………………………..) |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| **D – TRIỂN VỌNG KINH DOANH VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH** |

1. **Dựa trên thực trạng hiện nay của nền kinh tế Việt Nam, niềm tin của Quý Doanh nghiệp vào sự phục hồi nhanh chóng của Kinh tế Việt Nam như thế nào?**

Có niềm tin rõ rệt

Có niềm tin tương đối rõ rệt

Chưa có nhiều niềm tin vào sự hồi phục nhanh

Không có kỳ vọng

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, triển vọng toàn ngành Vận tải hành khách trong năm 2023 so với năm 2022 sẽ như thế nào?**

Khó khăn hơn rất nhiều

Khó khăn hơn một chút

Không thay đổi

Khả quan hơn một chút

Khả quan hơn rất nhiều

1. **Kỳ vọng của Quý Doanh nghiệp đối với một số chỉ tiêu sau của năm 2023 sẽ như thế nào so với năm 2022?**

| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi**  **đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên**  **đáng kể** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lượng hành khách |  |  |  |  |  |
| Doanh thu |  |  |  |  |  |
| Lợi nhuận |  |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp đánh giá thế nào về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến việc lập chiến lược hoạt động của Công ty trong thời kỳ bình thường tiếp theo?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | 1    Ảnh hưởng ít nhất  Ảnh hưởng nhiều nhất | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Yếu tố bên ngoài** | | | | | |
| Tình hình kinh tế vĩ mô |  |  |  |  |  |
| Biến động giá xăng, dầu |  |  |  |  |  |
| Bất ổn chính trị trên thế giới |  |  |  |  |  |
| Mức độ cạnh tranh trong ngành |  |  |  |  |  |
| Xu hướng M&A |  |  |  |  |  |
| Luật và các quy định về giao thông vận tải … |  |  |  |  |  |
| Tình hình, diễn biến dịch bệnh |  |  |  |  |  |
| Tâm lý, kỳ vọng của khách hàng |  |  |  |  |  |
| Sự phát triển của cơ sở hạ tầng |  |  |  |  |  |
| Sự phát triển của các ngành có liên quan (du lịch, bất động sản, giao thông vận tải…) |  |  |  |  |  |
| Khác (Vui lòng cho biết)……………………………… |  |  |  |  |  |
| **Yếu tố bên trong**    Ảnh hưởng ít nhất  Ảnh hưởng nhiều nhất | | | | | |
| Năng lực tài chính |  |  |  |  |  |
| Năng lực quản trị, điều hành |  |  |  |  |  |
| Tính sẵn có của lao động có kỹ năng |  |  |  |  |  |
| Ứng dụng công nghệ trong SXKD |  |  |  |  |  |
| Hiệu quả các hoạt động marketing, truyền thông |  |  |  |  |  |
| Khả năng quản trị rủi ro |  |  |  |  |  |
| Sức chống chịu và khả năng phục hồi |  |  |  |  |  |
| Khác (Vui lòng cho biết)……………………………… |  |  |  |  |  |

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, để hỗ trợ tốt nhất cho ngành Vận tải hành khách phục hồi sau COVID-19, Chính phủ nên chú trọng đến các biện pháp nào trong thời gian tới đây?**

Hỗ trợ các doanh nghiệp về vốn, ưu đãi thuế…

Cắt giảm các khoản phí, lệ phí sử dụng hạ tầng

Đơn giản hóa thủ tục hành chính, thủ tục hải quan

Nâng cao năng lực cho các cụm cảng hàng không, cảng biển, và cửa khẩu biên giới

Hoàn thiện chính sách và pháp luật liên quan đến hoạt động vận tải

Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng: giao thông, viễn thông và công nghệ thông tin

Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ

Đẩy mạnh xúc tiến hoạt động du lịch

Mở rộng mạng lưới đào tạo nhân lực trong ngành vận tải chuyên nghiệp và bài bản

Nhà nước hỗ trợ xây dựng thương hiệu mạnh trong ngành

Khác (vui lòng cho biết) ……………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| **E – ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU** |

1. **Theo đánh giá của Quý Doanh nghiệp, đâu là Doanh nghiệp tiêu biểu nhất trong ngành Vận tải hành khách hiện nay?** (*Xin vui lòng đánh số từ 1 – 10 doanh nghiệp trong danh sách dưới đây* ***theo từng tiêu chí sau*** *với thứ tự 1 là doanh nghiệp Vận tải hành khách mà Quý Doanh nghiệp đánh giá tiêu biểu nhất*)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ hạng** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **Tiêu chí được đánh giá cao nhất**  **(đánh dấu x)** | | | |
| **Khả năng chống chịu và phục hồi** | **Năng lực tài chính** | **Chất lượng dịch vụ** | **Uy tín thương hiệu** |
|  | TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM |  |  |  |  |
|  | TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP |  |  |  |  |
|  | TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY CP HÀNG KHÔNG VIETJET |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG TRE VIỆT |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HOÀNG LONG |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY TNHH THÀNH BƯỞI |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY TNHH VẬN TẢI KUMHO SAMCO BUSLINES |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY CP XE KHÁCH PHƯƠNG TRANG FUTABUSLINES |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG-KIÊN GIANG |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH BẮC GIANG |  |  |  |  |
|  | CÔNG TY TNHH TOÀN THẮNG |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!*

1. Tổng doanh thu được tính bằng tổng các khoản doanh thu thu về của Doanh nghiệp (không bao gồm các khoản giảm trừ) [↑](#footnote-ref-1)